

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-PT
Ngày 21-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Ngữ;
2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 357/TLPT-HS ngày 25/12/2022 đối với bị cáo Đặng Trần K do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Họ và tên bị cáo kháng cáo: **Đặng Trần K**, sinh năm 1988 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đặng Văn N, sinh năm 1965 và bà Trần Thị H, sinh năm 1967; Có vợ là Dương Thị L, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2015, bị Công an Trung Quốc bắt giữ về hành vi “Tổ chức cho người khác vượt biên giới quốc gia phi pháp vào Trung Quốc”. Tại Bản án số 147 Hình sự sơ thẩm ngày 04/5/2016 của Tòa án nhân dân Trung cấp thành phố Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến, nước Cộng hòa Nhân dân T4 xử phạt 07 năm tù. Đã chấp hành xong án phạt tù nêu trên tại nhà T, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc ngày 10/6/2021 (được giảm 06 tháng).

Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã, tạm giữ ngày 08/7/2021, tạm giam từ ngày 09/7/2021 đến ngày 03/12/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam; áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2012, Đặng Trần K đi theo người khác (không nhớ đi cùng ai) vượt biên trái phép qua đường mòn khu vực biên giới cửa khẩu Đ, tỉnh Lạng Sơn sang Trung Quốc làm thuê tại một xưởng sản xuất giấy ở tỉnh Quảng Đông; được khoảng 01 tháng thì K về nước. Khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2012 (sau khi thu hoạch vải thiều), K lại đi theo người khác sang Trung Quốc làm thuê tại một xưởng sản xuất giấy khác ở tỉnh Quảng Đông, mức tiền lương là 2000 NDT/tháng, được nuôi ăn và không phải trả tiền ở. Do biết tiếng Trung Quốc nên K được ông chủ công ty cho biết còn một số xưởng sản xuất giấy, may đo đang cần nhiều lao động thủ công. Đến cuối năm 2012 (trước khi về quê ăn Tết), ông chủ bảo K về nhà tìm đưa người Việt Nam sang Trung Quốc làm; sẽ giao cho K hướng dẫn lao động cách thức làm việc, trả công hướng dẫn lao động 300 NTD/tháng (ngoài tiền lương); tiền hoa hồng đưa người Việt Nam sang làm là 100 NDT/người nếu người lao động làm đủ 3 tháng. Nếu người lao động đồng ý sang Trung Quốc làm thì ông chủ sẽ bố trí người đưa vượt biên và bố trí xe đưa từ biên giới đến chỗ làm, chi phí đi hết 900 NDT/người, trường hợp người lao động không có tiền thì ông chủ sẽ ứng ra trả trước và trừ lương sau. K đồng ý.

Quá trình về nhà tại Việt Nam ăn Tết Nguyên đán năm 2013, K nói cho một số người thân, người quen biết về công việc, thu nhập bên Trung Quốc và rủ họ sang Trung Quốc làm thì có Đặng Thị H1, sinh năm 1990 (em ruột K) và chồng H1 là Trương Công B, sinh năm 1988 ở thôn K, xã T, huyện L xin K cho đi theo sang Trung Quốc làm. K gọi điện rủ bạn gái tên là T, sinh năm 1988 ở tỉnh Nghệ An (K quen T khi làm công nhân ở thành phố Hải Phòng nhưng không rõ địa chỉ cụ thể); chị T rủ thêm anh L1 cùng quê ở Nghệ An đi cùng. Ngoài ra, còn có anh H2 và anh H3 đều ở xã T, huyện L (không rõ địa chỉ cụ thể) biết tin K sắp sang Trung Quốc lao động nên liên hệ xin K cho đi làm (tổng cộng có 06 người đi cùng).

Cũng trong khoảng thời gian này, K đến nhà Lâm Văn H4, sinh năm 1971 ở thôn T, xã T, huyện L (K khi làm bên Trung Quốc) bảo H4 tìm người để K đưa sang Trung Quốc làm. Anh H4 đồng ý và rủ được 06 người để nhờ K đưa sang Trung Quốc làm, cụ thể:

1. Lâm Thị K1, sinh năm 1962.
2. Lâm Văn U', sinh năm 1992.

3. Lâm Huy H5, sinh năm 1995.

Đều địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

4. Nguyễn Hoài S, sinh năm 1993 ở thôn K, P, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

5. Đặng Tuấn V, sinh năm 1973 ở thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

6. Nguyễn Đức T1, sinh 1995 ở thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Để tổ chức cho những người trên vượt biên sang Trung Quốc, K1 gọi điện thông báo cho ông chủ người Trung Quốc biết thì được ông chủ gửi cho số điện thoại của người đưa biên và bảo K1 khi nào đi thì gọi để người này đưa từ biên giới Việt Nam sang Trung Quốc. Trước ngày đi, K1 liên lạc với người đưa biên thì có người đàn ông nói tiếng Việt Nam nghe máy và hướng dẫn K1 bắt xe lên đến bến xe Đ, tỉnh Lạng Sơn thì gọi điện, người này sẽ đón và đưa sang Trung Quốc rồi liên hệ xe bên Trung Quốc đưa đến chỗ làm. K1 thống nhất với ông chủ và người đưa biên đến ngày 23-02-2013 sẽ từ nhà lên tỉnh L đi sang Trung Quốc, đồng thời K1 thông báo cho vợ chồng chị người lao động do H6 ra dọn xe khách lên bến xe Đ, tỉnh Lạng Sơn, còn K1 tự đón xe lên đó để đưa mọi người đi. Buổi sáng ngày 23-02-2013, K1 cùng người lao động bắt xe khách lên bến xe Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; anh H4 cùng số người lao động trong nhóm cũng bắt xe lên bến xe Đ gặp nhóm của K1 (tiền xe người lao động tự trả). Tại đây, K1 thu tiền chi phí đưa biên và tiền thuê xe bên Trung Quốc của những người đi cùng K1; H4 thu tiền của những người đi cùng H4 rồi đưa lại cho K1, K1 ghi số tiền người lao động nộp vào tờ giấy, mục đích nhớ những người còn thiếu tiền để báo cho ông chủ trừ vào lương sau. K1 gọi điện cho người đưa biên và được người này dùng ô tô, loại xe Suzuki 07 chỗ (thường gọi là xe cóc) đến đón cho đến một nhà hoang ở chân đồi để chờ trời tối thì vượt biên sang Trung Quốc. K1 đưa hết tiền xe thu của người lao động cho người này. Khoảng 22 giờ cùng ngày, người đàn ông đưa biên dẫn K1 cùng người lao động (tổng số 14 người, tính cả K1) đi theo đường mòn vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Khi qua biên giới có một người đàn ông Trung Quốc lái xe ô tô (loại xe cóc) đón, đưa mọi người đến một nhà không có người ở để chờ, sau đó có xe ô tô loại 50 chỗ có giường nằm đưa mọi người đến chỗ làm việc. Ông chủ người Trung Quốc đón và bảo K1 bố trí chỗ ăn, ở cho người lao động. Mọi người làm việc tại xưởng sản xuất giấy theo dây chuyền, khoảng 3-4 người/1 chuyền, khi quản lý người Trung Quốc hướng dẫn cách thức làm việc thì K1 thông báo lại cho mọi người biết để làm theo. Tháng lương đầu tiên, K1 đem tờ giấy ghi số tiền đã nộp của người lao động để ông chủ Trung Quốc biết trừ tiền xe của những người còn thiếu. Quá trình làm việc có một số người về trước hoặc chuyển sang làm chỗ khác, còn lại 09 người làm đủ 03 tháng nên ông chủ trả cho K1 900 NDT tiền hoa hồng đưa người sang làm, K1 đổi được 2.970.000 đồng và chia cho H4

vì đã rủ được 06 người để K1 đưa sang Trung Quốc làm (K1 và H4 không nhớ số tiền đã chia nhau). K1 làm việc ở Trung Quốc đến cuối năm 2013 thì về Việt Nam.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, ngày 07/02/2014, K1 vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, chuyên đi này có một số người khác đi cùng K1, cụ thể như sau:

Sau khi về nhà ở Việt Nam ăn Tết Nguyên đán, đầu tháng 02/2014, K1 cùng bạn gái tên là T quê ở Nghệ An lại rủ nhau sang Trung Quốc làm thuê. Biết tin K1 sắp đi Trung Quốc, chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1997 và em gái là Hoàng Thị H7, sinh năm 1999 ở thôn Đ, xã T, huyện L bảo K1 khi nào đi thì báo để hai chị em đi cùng sang Trung Quốc thăm chị gái lấy chồng ở tỉnh Phúc Kiến. Ngoài ra, còn có Đặng Tuấn V, sinh năm 1973 ở thôn Q, xã Q, L (trước đây làm cùng K1 bên Trung Quốc) cùng hẹn với K1 hôm nào đi thì vợ V là Phương Huyền G đi cùng sang Trung Quốc nhưng làm ở xưởng khác. Ngày 07/02/2014, K1 và bạn gái tên T cùng chị L2, chị H7, chị G cùng đón xe lên khu vực của khẩu Chi Ma thuộc huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đi cùng chị G còn có chị Vi Thị H8, sinh năm 1978 và con gái là Leo Thị H9, sinh năm 1999 ở thôn H, xã Q, L (chị H8 liên hệ với chị G để đi cùng). Khi mọi người đến khu vực của khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn thì có Hoàng Thị T2 là người làm dịch vụ dẫn biên đến và thỏa thuận đưa mọi người vượt biên sang Trung Quốc. Khi qua biên giới, có người đàn ông lái xe Trung Quốc làm dịch vụ cho các lao động đến chỗ làm việc đón sẵn; K1 bảo người này cho mọi người đến chỗ làm, trên đường đi, lái xe đưa chị L2 và chị H9 qua bến xe N, tỉnh Quảng Tây để đón xe khác đi tỉnh Phúc Kiến. Tiền xe từ nhà lên cửa khẩu C, tiền trả công cho T2 để đưa biên, tiền xe bên Trung Quốc mọi người tự chi trả.

Đến tháng 7/2014, do các xưởng bên Trung Quốc hết việc làm nên những người lao động Việt Nam đều về nước. K1 vẫn ở lại Trung Quốc để tìm việc làm, thời gian này, K1 quen với người đàn ông Trung Quốc tên Liu D, là đối tượng môi giới lao động ở tỉnh Phúc Kiến (thường gọi là ông chủ L3). Biết K1 nói được tiếng Trung Quốc và từng hướng dẫn lao động Việt Nam làm ở các xưởng bên Trung Quốc nên ông L3 bảo K1 giúp quản lý lao động người Việt Nam ở các xưởng cho ông L3. Tháng 9/2014, ông L3 giao cho K1 quản lý 29 lao động Việt Nam ở xưởng sản xuất thực phẩm và 09 lao động tại xưởng sản xuất giấy tại tỉnh Phúc Kiến. Ngày 21/4/2015, K1 bị Công an T5 bắt về hành vi “Tổ chức cho người khác vượt biên trái phép” cùng ông chủ L3 và một số người khác. Tòa án Trung cấp thành phố H, tỉnh Phúc Kiến xử sơ thẩm, sau đó Tòa án cấp cao tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc xử chung thẩm kết án Đặng Trần K 07 năm tù về tội tổ chức cho người khác vượt biên trái phép vào tháng 9/2014 (Lần 1: 29 người, lần 2: 09 người). Ngày 10/6/2021, K chấp

hành xong bản án; ngày 08/7/2021, được trao trả về Việt Nam và bị bắt theo Lệnh truy nã.

Đối với Đặng Tuấn V, Hoàng Thị T3 đã nhiều lần tổ chức cho người khác vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động; tại Bản án số 86/2015/HSST ngày 30/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 2 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999; mức hình phạt đối với V là 05 năm tù, đối với T2 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Đối với Lâm Văn H4 nhiều lần tổ chức cho người khác vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động; tại Bản án số 47/2016/HSST ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 2 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999, mức hình phạt 05 năm tù.

Đối với chuyến đi ngày 07/02/2014: Khi K và bạn gái tên T chuẩn bị sang Trung Quốc làm thì có chị L2, chị H9 và chị G liên hệ để đi cùng. Ngoài ra, còn có chị H8 và con gái là Leo Thị H9 đi cùng chị G. Chuyến đi này, mọi người liên hệ đi cùng nhau sang Trung Quốc tại khu vực cửa khẩu C, Hoàng Thị T3 là người làm dịch vụ dẫn biên chủ động hỏi và dẫn mọi người vượt biển sang Trung Quốc. Tiền xe từ nhà lên cửa khẩu C, tiền trả công cho T3 đưa biên, tiền xe bên Trung Quốc mọi người tự chi trả. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được thấy Đặng Trần K không có hành vi tư vấn, rủ rê, lôi kéo và dẫn dắt mọi người vượt biên trốn sang Trung Quốc nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-P1 ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Đặng Trần K về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HSST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ dung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt bị cáo Đặng Trần K 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2021 đến ngày 03/12/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.970.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền Việt Nam đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/10/2022, bị cáo Đặng Trần K kháng cáo bản án với nội dung, xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lý do kháng cáo là trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã nộp lại 2.970.000 đồng là tiền do thu lợi bất chính nhưng bản án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và nội dung kháng nghị đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng của bị cáo Đặng Trần K, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và sửa bản án sơ thẩm: Xử phạt bị cáo Đặng Trần K từ 02 năm đến 02 năm 01 tháng tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2021 đến ngày 03/12/2021.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Trần K được làm trong thời hạn kháng cáo và đã nộp theo đúng quy định tại Điều 333 BLTTHS nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật..

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Đặng Trần K, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Trần K khai nhận: Khoảng tháng 7/2012, Đặng Trần K, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vượt biên trái phép qua đường mòn khu vực cửa khẩu Đ, tỉnh Lạng Sơn sang Trung Quốc làm thuê tại một xưởng sản xuất giấy ở tỉnh Quảng Đông. Do biết tiếng Trung Quốc nên ông chủ bảo K về Việt Nam tìm thêm người đưa sang Trung Quốc làm sẽ giao cho K hướng dẫn người lao động cách thức

làm việc và trả công 300NTD/tháng; tiền hoa hồng đưa người Việt Nam sang làm là 100 NDT/người nếu lao động làm đủ 03 tháng, K đồng ý. Trong dịp nghỉ Tết Nguyên đán năm 2013, K đã chủ động rủ rê, lôi kéo nhiều người để đưa sang Trung Quốc lao động. Ngày 23/02/2013, K đưa 06 người từ huyện L, tỉnh Bắc Giang lên bến xe Đ, tỉnh Lạng Sơn gặp Lâm Văn H4, sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã T, huyện L cùng 06 lao động khác (tổng số 13 người) để tổ chức đưa họ sang Trung Quốc. K thu tiền của người lao động, liên hệ thuê người dẫn đường để vượt biên trái phép từ khu vực biên giới cửa khẩu Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sang Trung Quốc và thuê xe bên Trung Quốc đưa người lao động đến nơi làm việc.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Trần K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trên, Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội thì quy định về hành vi tổ chức người khác trốn đi nước ngoài do bị cáo thực hiện nếu áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 là bất lợi cho bị cáo nên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Đặng Trần K về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 của Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HSST ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội nên bị cáo đồng ý về tội danh mà bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo.

[2.2]. Xét về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đồng thời bị cáo đã nộp lại 2.970.000 đồng là tiền do thu lợi bất chính nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ nên HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã đề nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Đặng Trần K được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Trần K, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo: Đặng Trần K 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2021 đến ngày 03/12/2021.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm: Bị cáo Đặng Trần K không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TAND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Nâu